TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:27/2023/DS-PT
Ngày 11/4/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà;
Thẩm phán: Ông Đinh Viết Nam;
Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 04/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Phan Chí H, địa chỉ: Khu phố E, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/11/2012, ông H vay bà T số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng),* thời hạn vay 120 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 6%/tháng, sau đó bà T giảm xuống 5%/ tháng.

Từ tháng 12/2012 cho đến tháng 3/2015, ông H có trả cho bà T tổng số

tiền 86.800.000 đồng, trả bằng chuyển khoản và tiền mặt, đây là số tiền lãi và đã được bà T ghi chép vào sổ cá nhân, bà T cùng với ông H đối chiếu ngày 07/12/2022 và bà T đã xác nhận cho ông H vào Giấy nhận tiền đề ngày 07/12/2022.

Nay bà T yêu cầu ông H thanh toán số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2015 cho đến tháng 12/2022 là: (50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 92 tháng) = 76.360.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 126.360.000 (*một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 08/12/2022, bị đơn ông Phan Chí H trình bày: Ông H thừa nhận ngày 11/11/2012, ông H có vay bà T số tiền 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng),* thời hạn vay 120 ngày. Thời điểm đó ông H công tác tại Ngân hàng Công Thương Quảng Trị còn bà T là kế toán trưởng Công ty xây dựng 384. Trong quá trình công tác do có quen biết nên khi bà T thấy ông H gặp khó khăn vừa mới mua nhà nên bà T giúp đỡ cho ông H vay không tính lãi suất. Do gặp khó khăn nên ông H xin bà T trả dần và được bà T đồng ý nên từ tháng 12/2012 cho đến tháng 3/2015 ông H trả dần cho bà T tổng số tiền 86.800.000 đồng. Mặc dù không thỏa thuận lãi suất và bà T đồng ý cho vay không tính lãi nhưng vì bà T giúp đỡ cho ông H vay tiền nên ông H trả cho bà T vượt quá số tiền 50.000.000 đồng đã vay. Ngày 07/12/2022, ông H và bà T đã đối chiếu từ sổ cá nhân của bà T số tiền bà T đã nhận của ông H từ tháng 12/2012 cho đến tháng 3/2015 là 86.800.000 đồng. Hai bên xác nhận và lập giấy nhận tiền, bà T đã ký vào bên nhận. Như vậy ông H đã thanh toán trả hết số tiền 50.000.000 đồng đã vay cho bà T nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị quyết định:

Căn cứ Điều 471; khoản 4 Điều 474; khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phan Chí H thanh toán số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2015 cho đến tháng 12/2022 là 76.360.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 126.360.000 (*một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/01/2023, nguyên đơn bà Trần Thị T kháng cáo với nội dung như sau: Thứ nhất, giữa nguyên đơn và ông H có thỏa thuận cho vay có lãi suất là 6%/tháng. Thứ hai, trong giấy vay tiền ông H hẹn 120 ngày (4 tháng) trả nợ nhưng thực tế ông H quá hạn đến 122 tháng. Thứ ba, số tiền hàng tháng ông H trả từ lúc vay cho đến hiện tại là tiền lãi chứ không phải tiền gốc. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Phan Chí H phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 127.190.000 đồng, trong đó: 50.000.000 đồng tiền gốc và 77.190.000 đồng tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Chí H phải trả số 50.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi tính từ tháng 4/2015 cho đến tháng 12/2022 là 76.360.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 126.360.000 (*một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn)* đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp hợp vay tài sản"* là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 11/11/2012, bị đơn ông Phan Chí H có vay bà Trần Thị T số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng, thời hạn vay là 120 ngày, giấy vay tiền không thể hiện có thỏa thuận lãi suất. Theo thỏa thuận trên thì chậm nhất đến ngày 10/3/2013, ông H phải có trách nhiệm trả cho bà T toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên trong thời hạn vay ông H chỉ trả được cho bà T tổng số tiền 9.000.0000 đồng. Cụ thể: Ngày 26/12/2012 ông H trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng; ngày 11/01/2013 ông H trả cho bà T số tiền 3.000.000

đồng; ngày 11/02/2013, ông H trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng. Từ ngày 23/4/2013 đến ngày 13/3/2015 ông H trả dần thêm tổng số tiền 77.800.0000 đồng. Như vậy, ông H đã chậm trả số tiền 41.000.000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu đồng)* từ ngày 11/3/2013 đến ngày thanh toán cuối cùng 13/3/2015 là 24 tháng 02 ngày. Tại thời điểm tháng 3/2013 lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm (0,75%/tháng = 0,025%/ngày). Hai bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng bà T vẫn yêu cầu tính lãi nên Tòa án sơ thẩm căn cứ vào quy định về lãi suất tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 để tính tiền lãi của khoản vay là: (41.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 24 tháng) + (41.000.0000 đồng x 2 ngày x 0.025%/ngày) = 7.400.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi ông H phải thanh toán cho bà T là 57.400.500 đồng là có căn cứ.

Bà T thừa nhận trong thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2015 ông H đã trả cho bà T số tiền 86.800.000 (*tám mươi sáu triệu tám trăm nghìn)* đồng. Bà T cho rằng số tiền ông H trả là số tiền trả lãi chứ không phải là tiền gốc nhưng bà T không có chứng cứ gì chứng minh số tiền trên là số tiền trả lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng. Việc ông H đã trả cho bà T số tiền 86.800.000 là đã vượt quá số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc bà T cho rằng số tiền trên là tiền trả lãi hàng tháng là không có cơ sở và kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà T có cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện việc trả tiền giữa ông H với bà T và các Giấy vay tiền của bà T đối với người khác. Tuy nhiên, những tài liệu, chứng cứ trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Còn đối với những giấy vay tiền của bà T đối với những người khác không liên quan đến khoản vay 50.000.000 đồng giữa ông H với bà T.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 471; khoản 4 Điều 474; khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, *Tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phan Chí H thanh toán số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2015 cho đến tháng 12/2022 là 76.360.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 126.360.000 (*một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.318.000 *(sáu triệu ba trăm mười tám nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 3.117.000 *(ba triệu một trăm mười bảy nghìn)* đồng. Bà T phải nộp tiếp số tiền là 3.201.000 *(ba triệu hai trăm linh một nghìn đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số CC/2021/0000597 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Bà T đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh;
- TAND TP Đ;
- Chi cục TP Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Hà **Lê Thiết Hùng** **Nguyễn Thị Hà**